

Bản án số: 587/2020/HS-PT

Ngày 29-9-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán:

Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phan Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 248/2019/TLPT-HS ngày 14 tháng 5 năm 2019, do có kháng cáo của bị cáo Đặng Tuấn V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2019/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Tuấn V, sinh năm 1975 tại tỉnh Hải Dương; thường trú: 30 đường N, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: 2A/20 đường B, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, dịch vụ lữ hành nội địa, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa (Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Dịch vụ D); trình độ văn hóa; 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Huy T và bà Đặng Thị C; hoàn cảnh gia đình: vợ đã ly hôn tên Nguyễn Thị Thanh T, vợ hiện tại tên Nguyễn Thị Ngọc C và có 3 con (con lớn nhất sinh năm 1998; con nhỏ nhất sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 31/01/2000, bị Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 1 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; được đặc xá, tha tù ngày 01/9/2000; Bị bắt, tạm giam từ ngày 21/01/2015; (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông **Hà Tiến T** – Luật sư Công ty Luật TNHH T2 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).
2. Ông **Hà Thế L** – Luật sư Công ty Luật TNHH T2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2012, Đặng Tuấn V có quen biết với Trần Quốc H do V thường mua tổ yến của H. Từ đó, cả hai thường uống cà phê với nhau ở một quán cà phê trên đường B, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2013, V quen Phạm Ngọc N (là Việt kiều Canada). Trong quá trình quen biết, N có đặt vấn đề nhờ V nhận hàng chuyển từ nước ngoài về.

Vào đầu tháng 12/ 2014, N nhờ V nhận 2 chiếc valy nhập vào Việt Nam qua cửa khẩu Sân bay T (theo V khai thì trong valy có 4 lọ thuốc bổ loại đắt tiền). Ngày 12/12/2014, V gọi điện thoại báo H đến Công ty Cổ phần Dịch vụ D (Công ty của V); V nhờ H vào khu vực hành lý nhập cảnh của Sân bay T để đẩy hành lý ra ngoài giúp bạn của V; H đồng ý. Sau khi nói chuyện với V, H gọi điện thoại cho người quen là anh Phạm Duy B (có tên thường gọi là H1, cán bộ của Chi cục Hải quan Sân bay T), nhờ anh B giúp đỡ cho H vào Sân bay T để đón hành lý cho người nhà từ nước ngoài về; anh B đồng ý và bảo H chừng nào cần thì báo cho anh B.

Ngày 15/12/2014, N gọi điện cho D (một người không rõ lai lịch ở Canada), gửi 2 chiếc valy cho Phạm Ngọc L (anh trai của N) đi máy bay về Việt Nam.

Ngày 16/12/2014, Phạm Ngọc L sử dụng hộ chiếu GB974382, đi chuyến bay CX829 khởi hành từ Toronto (Canada) ngày 16/12/2014 và nối chuyến bay CX767 của hãng hàng không Cathay Pacific khởi hành từ Hong Kong đến Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17/12/2014, L có mang theo hành lý là 2 valy mang thẻ tag 0160CX701876 và 1060CX701877. Trong ngày 16/12/2014, N chụp lại hình ảnh 2 chiếc valy vừa nêu, rồi sử dụng ứng dụng Viber gửi cho V qua điện, nhờ V đón nhận. Đồng thời, N báo cho V biết 2 valy đã nêu được gửi theo chuyến bay CX767 của hãng hàng không Cathay Pacific khởi hành từ Hong Kong và sẽ đến Sân bay T, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 17/12/2014.

Sáng ngày 17/12/2014, V gọi điện cho H, hẹn H đi uống cà phê ở một quán trên đường C, quận T. Tại đây, V báo cho H biết thời gian chuyến bay CX767 sẽ đến Việt Nam và mở điện thoại của mình cho H xem hình ảnh 2 chiếc valy (màu xanh thẫm, có thắt nơ màu đỏ ở quai) để nhận diện. V dặn H rằng

chứng nào lấy được 2 chiếc valy thì xé bỏ tag, đi ra ngoài gọi điện cho V, V sẽ đến đón.

Khoảng 10 giờ ngày 17/12/2014, H vào Sân bay T, gặp B, B gọi điện cho Đỗ Văn H (nhân viên của Trung tâm An ninh Hàng không) để xin cho H được vào khu vực nhận hành lý của Sân bay T. H xem thông tin và biết được chuyến bay CX767 đến Tân Sơn Nhất vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 17/12/2014, hành lý được trả tại đảo băng chuyển số 1. Khi nhìn thấy 2 chiếc valy có đặc điểm như V đã cho xem, H lấy 2 chiếc valy khỏi băng chuyền, kiểm tra số tag. Khi thấy đã khớp, H xé tag hành lý bỏ vào thùng rác, rồi để 2 chiếc valy lên xe đẩy, đẩy ra ngoài. Khi H mang valy ra thì nhân viên hải quan yêu cầu H đặt valy lên máy soi để kiểm tra. Sau khi soi chiếu, các nhân viên hải quan là anh Nguyễn Mạnh T và Lê Tiến D yêu cầu H mở valy để kiểm tra thực tế thì phát hiện ngoài một số quần áo cá nhân, còn có:

- 24 túi nylon nhỏ trong suốt, bên trong có chứa các viên nén tròn nhỏ, màu nâu, có dập nổi ký hiệu Omega (Ω);

- 01 túi nylon nhỏ trong suốt, bên trong có chứa các viên nén tròn nhỏ, màu nâu, có dập nổi ký hiệu hình ngôi sao 3 cánh.

Tổng khối lượng của 25 gói nylon đã nêu là 15,9kg.

Nhân viên hải quan hỏi H về những viên nén đã nêu thì H nói rằng chắc là thuốc chữa bệnh; H chỉ là người đẩy đồ ra giúp cho một người anh. Sau đó, H gọi điện thoại cho V và nói rằng: Hành lý của bạn anh có gì mà hải quan kiểm tra và không cho em ra. V bảo H tắt máy điện thoại để V kiểm tra. Sau đó, V gọi điện thoại cho N, hỏi lại N thì N nói sẽ kiểm tra lại. Nhưng sau đó, N tắt máy điện thoại nên V không liên lạc được với N. V gọi điện cho H, báo cho H biết việc không liên lạc được với N và bảo H đi về. H bỏ lại hành lý và đi đến Công ty của V. V bảo H chờ V đi đến khách sạn Đ ở khu vực đường T và Ht, quận T để tìm N. Khi đến nơi, V vào trong khách sạn hỏi thì được nhân viên khách sạn cho biết N không còn ở đây nữa. Sau đó, V và H ra về.

Sau khi H bỏ đi, Đội thủ tục hành lý nhập khẩu thuộc Chi cục Hải quan Cửa khẩu Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất kiểm tra nhanh bằng valy thuốc thử chất ma túy thì các viên nén đã đề cập phản ứng dương tính với nhóm Opiat (thuốc phiện, Heroine, Mocphin, ...).

Đội Thủ tục Hành lý Nhập khẩu tiến hành lập “Biên bản kiểm tra phát hiện đồ vật nghi là ma túy”, lấy mẫu gồm 53 viên nén màu nâu có dập nổi ký hiệu “ Ω ” tiến hành niêm phong và chuyển đến Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (C54B) để tiến hành giám định; đồng thời, niêm phong toàn bộ số vật chứng còn lại (bl.88).

Theo kết luận giám định số 127/CB54B ngày 18/12/2014 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục Cảnh sát Phòng Chống ma túy thì 53 viên nén tròn màu nâu có hình logo “ Ω ” có tổng khối lượng là 15,8192g, có chứa thành phần Tenamfetamine (MDA). Xác định chất

đã nêu là ma túy nên Chi cục Hải quan Cửa khẩu Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất đã niêm phong toàn bộ vật chứng, lập hồ sơ và bàn giao hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an để xử lý.

Theo kết luận giám định số 166/1/C54B ngày 08/01/2015 và Kết luận giám định số 1061/C54 (P7) ngày 05/3/2015 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh của Bộ Công an kết luận: Các viên nén màu nâu có hình logo “Ω” và hình logo biểu tượng Mercedes (hình ngôi sao 3 cánh) có tổng khối lượng là 14.841,84g, có chứa thành phần Tenamfetamine (MDA) với hàm lượng 9,8% (bl.111, 121).

Ngày 25/12/2014, H đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an đầu thú và khai trình sự việc như đã được nêu.

Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 25/12/2014, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an phối hợp với Chi cục Hải quan Cửa khẩu Sân bay T phát hiện Phạm Ngọc L làm thủ tục xuất cảnh từ Sân bay T đi Canada nên đã yêu cầu L ngừng xuất cảnh để làm rõ sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phối hợp với Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng Công nghệ cao phục hồi các dữ liệu trong điện thoại Iphone mà L đang sử dụng thì phát hiện được trong điện thoại của L có lưu giữ hình ảnh hai chiếc valy chứa ma túy, có lưu số điện thoại mà V sử dụng là 0932773333. Do vậy, ngày 25/12/2014, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an đã ra lệnh và thi hành Lệnh bắt khẩn cấp đối với L.

Ngày 05/01/2015, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an đã ra Quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với L.

Ngày 20/01/2015, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an ban hành Lệnh bắt khẩn cấp đối với V. Ngày 30/01/2015, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an ban hành Quyết định khởi tố V.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 301/2016/HSST ngày 24/8/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố Phạm Ngọc L và Đặng Tuấn V phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự; xử phạt L tù chung thân, xử phạt V 20 năm tù. Bị cáo L và V kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao mở ngày 25/9/2017,

Bị cáo L khai: D (người không rõ lai lịch, ở Canada) đã làm thủ tục gửi hành lý (2 valy) cho L; D sử dụng điện thoại của L chụp hình 2 chiếc valy và lưu trong máy điện thoại của L (bl.1649).

Bị cáo V khai: V không biết L. N là người nhờ V lấy valy nhưng V không biết trong valy có ma túy; N nói rằng trong valy có 4 lọ thuốc bổ có giá trị cao (bl.1649, 1650).

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 497/2017/HS-ST ngày 25/9/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử như sau: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L; Hủy một phần bản án sơ thẩm 301/2016/HSST

ngày 24/8/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xét xử bị cáo Đặng Tuấn V. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, truy tố xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Lý do hủy bản án sơ thẩm được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định như sau: Lời khai của các bị cáo và những người liên quan có nhiều mâu thuẫn; cần cho V và H đối chất, cho N và V đối chất để làm rõ V có biết trong valy của L có hàng cấm hay không.

Kết quả điều tra bổ sung như sau:

H khai như sau: Trước ngày 17/12/2014, V gọi điện thoại cho H, bảo H đến Công ty của V ở hẻm trên đường B, quận T để uống cà phê. Trong lúc uống cà phê, V có hỏi H rằng: Có quen biết ai làm việc ở Sân bay T không, vài ngày nữa có bạn của V ở nước ngoài về, V nhờ H vào sân bay phụ đón hành lý. H gọi điện cho người quen là anh H1 (tên thật là Phạm Duy B, nhân viên hải quan Sân bay T) và nói với anh H1 rằng: Vài ngày nữa, H có ông anh ở nước ngoài về, cho H vào sân bay để đón hàng lý mang ra. Anh H1 trả lời rằng: Khi nào về thì điện thoại báo cho anh H1. Sau đó, H nói lại với V rằng chừng nào bạn của V về thì báo cho H. Ngày 16/02/2014, V gọi điện thoại thoại bảo H đến Công ty của V uống cà phê. V nói rằng ngày mai bạn của V về và nhờ H sắp xếp công việc để đi đón hành lý giúp cho bạn của V. H đồng ý. Sáng ngày 17/12/2014, V gọi điện thoại cho H và cả hai cùng đi uống cà phê ở trên đường C, quận T. Tại đây, V lấy điện thoại ra và cho H xem hình ảnh những chiếc valy sẽ nhờ H vào lấy ra. V ghi lại số tag trên valy đưa cho H và dặn rằng khi lấy được 2 valy thì xé bỏ tag. Khoảng 10 giờ ngày 17/12/2014, H gọi điện cho anh H1, xin được vào khu vực nhận hành lý trong sân bay. Sau khi chuyến bay CX767 của hãng hàng không Cathay Pacific đến Sân bay T, H đến đảo băng chuyển số 1, khi thấy 2 chiếc valy có thất nơ, H lấy valy đối chiếu với số tag. Khi thấy đã trùng khớp, H bỏ valy lên xe đẩy, đẩy đến cửa hải quan. Đồng thời, H gọi điện thoại báo cho V biết là đã nhận được hành lý. V dặn H xé bỏ tag hành lý nên H xé bỏ và vứt vào thùng rác, rồi đẩy valy đến khu vực máy soi hải quan. Khi nhân viên hải quan mở valy thì thấy có các bọc nylon chứa viên nén màu hồng nên có hỏi H đó là gì thì H nói là thuốc tây. Trong lúc nhân viên hải quan tiếp tục kiểm tra thì H gọi điện thoại cho V hỏi và hỏi “Bạn ông mang gì về mà hải quan kiểm tra nhiều vậy”. V nói với H rằng “Để tôi gọi điện cho nó”. Một lúc sau, V gọi điện thoại cho H và nói rằng: “Nó tắt máy rồi”, “Thôi mày về đi”. Sau đó, H đi đến Công ty của V. V nói rằng để V chở H đi tìm bạn của V. V chở H đi đến khách sạn ở trên đường T, Đ, V vào khách sạn tìm N nhưng không gặp nên V và H ra về. Sau đó, anh H1 gọi điện thoại cho H, bảo rằng valy của ai thì kêu họ lên sân bay nhận về hoặc là lấy giấy chứng minh nhân dân của họ đưa cho anh H1. H liên lạc với V thì V cho biết rằng vẫn chưa tìm được bạn của V. Sau đó, H rủ V đến sân bay gặp hải quan để trình bày sự việc thì V nói là để từ từ (bl.1702, 1703).

V khai như sau: Vào năm 2013, thông qua anh Trần Hùng P (là công an), V quen biết với Phạm Ngọc N (Việt kiều Canada). Do biết V làm công việc vận

chuyển, giao nhận hàng hóa nên N nhờ V vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam. Trong năm 2013, N có nhờ V nhận giúp 1 lô hàng tôm hùm tại Sân bay T. Năm 2014, N có nhờ V nhận 2 chiếc valy ở Sân bay T, theo lời N thì trong valy có 4 lọ thuốc bổ có trị giá cao. V quen biết với H từ năm 2012 và biết H thường nhận hàng là tổ yến ở ga đến Sân bay T nên V nhờ H nhận 2 chiếc valy đã đề cập, H đồng ý, V có nói với H là trong valy có 4 lọ thuốc bổ. Ngày 16/12/2014, thông qua ứng dụng Viber, N gửi hình ảnh 2 chiếc valy vào máy điện thoại của V. Sáng 17/12/2014, V điện thoại cho H hẹn uống cà phê ở quán cà phê N trên đường C, quận T. V dùng số điện thoại 0932773333 gọi cho H theo số điện thoại 0932645274. Trong lúc uống cà phê, V cho H xem hình ảnh 2 chiếc valy và sổ thẻ tag để H nhận dạng (V không nhớ chính xác là V ghi số tag đưa cho H hay là H tự ghi lại số tag hành lý). V nói với H rằng chuyến bay sẽ đến Sân bay T vào lúc 10 giờ 30 phút. Vào khoảng 10 giờ cùng ngày, H đi vào Sân bay; còn V tiếp tục ngồi uống cà phê thêm một lúc, rồi về Công ty để làm việc. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, thì H gọi điện thoại báo cho V biết hàng đi qua máy soi, hải quan kiểm tra thì không phải là 4 lọ thuốc bổ nên bị giữ lại kiểm tra. V nói với H rằng “em cứ để lại 1 lọ cho người ta kiểm tra, rồi mình lên lấy sau. V gọi điện thoại cho N (V không nhớ số điện thoại), hỏi N rằng “gửi hàng gì đấy mà hải quan kiểm tra”. N nói rằng chờ một chút, N sẽ gọi lại cho V. Một lúc sau, V gọi điện thoại cho N nhưng gọi không được vì N tắt máy. V gọi điện cho H và nói rằng không liên lạc được với chủ hàng vì nó đã tắt máy; V bảo H về Công ty của V để cùng đi kiểm chủ hàng. Khoảng 15 phút sau, H đi xe máy đến Công ty của V ở số 2A/20 đường B, quận T. Sau đó, H và V chở nhau bằng xe máy đi đến khách sạn Đ trên đường H, quận T để tìm N vì V biết N thường thuê phòng ở khách sạn này. Khi đến nơi, H đứng ngoài, còn V vào gặp nhân viên lễ tân để hỏi thì được biết N không có ở khách sạn. Do vậy, V và H quay trở lại Công ty của V. Khi về đến Công ty, V tiếp tục gọi điện thoại cho N nhưng không được vì N vẫn tắt máy. Trong cùng ngày, V có điện thoại cho anh Trần Hùng P để hỏi xem anh P có biết N ở đâu hay không hoặc là cách nào để liên lạc với N không; anh P nói rằng anh P không biết. Từ đó, V không liên lạc được với N nên cũng không biết xử lý thế nào; V vẫn sống bình thường. Ngày 20/01/2015, V bị công an bắt khi đang sửa xe tại gara Honda trên đường 3 Tháng 2. Bị cáo không biết gì về Phan Tôn H. Thực tế, có một khách hàng mà V không nhớ tên có đặt vấn đề nhờ V vận chuyển hàng lậu, trốn thuế. V có báo cáo với C45 (anh T cục trưởng và anh V phó phòng). Sau đó một thời gian thì không thấy gì nữa. Trong thời gian điều tra vụ án của V, V bị mớm cung để khai rằng có một Việt kiều tên Phan Tôn H đặt vấn đề nhờ V vận chuyển ma túy. Ngày 12/11/2015, điều tra viên Lê Hải N làm việc với V, điều tra viên Lê Hải N có đưa cho cho V một văn bản có nội dung báo cáo cho C.45, để tên V là người báo cáo nhưng không có chữ ký của V. V không có làm văn bản nào báo cáo cho C.45. Điều tra viên N1 bảo V cứ ký vào văn bản đi vì có lợi cho V. Trong lúc hoang mang, V đã ký xác nhận vào văn bản vừa nêu. Trước đây, V khai rằng N và H có đặt vấn đề nhờ V vận chuyển ma túy là do V bị mớm cung và bị đe dọa nên hoảng loạn khai không đúng. Khi nhờ H đi nhận hành lý, V không dặn H là

phải xe bỏ tag hành lý. Trước đây, V khai rằng V có dặn H xé tag hành lý là không đúng. Trước đó, V khai rằng H trình diện xong thì có liên lạc với V bảo V ra trình diện thì V bảo “từ từ anh ra”. Việc V khai như đã vừa nêu là do V khai nhầm. Thực tế, H không liên lạc và không có nói gì với V.

Khi cho V và H đối chất thì cả hai vẫn giữ lời khai của mình như đã nêu (bl.1714-1716). Không thể cho V đối chất với N vì N bỏ trốn đã bị truy nã nhưng chưa bắt được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2019/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Tuấn V phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt Đặng Tuấn V 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2015;

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/4/2019, bị cáo Đặng Tuấn V kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đặng Tuấn V không thừa nhận hành vi phạm tội và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Tuấn V:

Luật sư Hà Thế L trình bày:

Bị cáo V chỉ vận chuyển giúp N, không hưởng lợi. Quá trình điều tra cũng như đối chất giữa bị cáo V và Trần Quốc T, bị cáo V đều khai không biết bên trong 02 va ly chứa ma túy, chỉ biết là thuốc bổ giá trị cao. Mặt khác, bị cáo V hiểu quy định số loại thuốc tây này là hàng hóa không nhập khẩu tự do có thể bị soi, bị bắt giữ nên bị cáo V dặn H xé tag khi nhận 02 valy hành lý. Vì vậy, không phải tất cả các trường hợp xé tag khi nhận hành lý tại sân bay đều nhằm che giấu hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Đây là vụ án đặc biệt nghiêm trọng, không đủ chứng cứ để buộc tội đối với bị cáo V, Bị cáo V luôn kêu oan nhưng trong quá trình tiến hành ghi lời khai ban đầu và xét hỏi đều không sử dụng phương tiện kỹ thuật để ghi âm, ghi hình có âm thanh. Bị cáo trong hoàn cảnh bị tạm giữ, tạm giam. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không có văn bản nào trả lại khiếu nại, tố cáo của bị cáo. Trong tất cả các biên bản ghi lời khai của Trần Quốc H không có biên bản nào thể hiện H khai là bị cáo V dặn dò H sau khi nhận 02 valy phải trốn tránh không đưa qua máy soi chiếu.

Luật sư Hà Tiến T trình bày: Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra lệnh bắt khẩn cấp đối với bị cáo V trái với quy định khoản 1 Điều 81 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Viện kiểm sát nhân dân tối cao vi phạm về việc phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp. Cơ quan điều tra cử Điều tra viên không có tên trong Quyết định phân công điều tra viên tiến hành ghi lời khai, xét hỏi bị can và tổ chức đối chất giữ bị cáo V với Trần Quốc H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án. Trong suốt quá trình điều tra bị cáo V không có Luật sư bào chữa. Việc tách vụ án (tách hành vi của bị can Phạm Ngọc N ra với lý do bị can N trốn chưa bắt được) là không đúng quy định pháp luật. Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi điều tra lại cũng như tại phiên tòa sơ thẩm lần 2, cơ quan tiến hành tố tụng không thu thập thêm tài liệu nào chứng minh khi nhận hộ N 02 valy hành lý bị cáo V biết trong đó có chứa chất ma túy. Hành vi của bị cáo V chưa đủ 04 yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Do vậy, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên bị cáo V không phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Tuấn V về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là có căn cứ đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo V không trình bày tình tiết, chứng cứ nào mới. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 98/2019/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Phạm Ngọc N nhờ Đặng Tuấn V nhận hai chiếc valy do Phạm Ngọc L vận chuyển về Việt Nam theo chuyến bay CX767 của hãng hàng không Cathay Pacific khởi hành từ Hong Kong đến Sân bay T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17/12/2014 . Sau đó, bị cáo V nhờ H vào khu vực hành lý nhập cảnh của Sân bay T để nhận hai chiếc valy trên. Ngày 16/12/2014, N chụp lại hình ảnh 2 chiếc valy rồi gửi hình qua cho V, V đưa hình lại cho H xem và dặn H rằng chừng nào lấy được 2 chiếc valy thì xé bỏ tag, đi ra ngoài gọi điện cho V, V sẽ đến đón.

H2 có nhờ anh Phạm Duy B là cán bộ chỉ cục Hải quan Sân bay T giúp vào khu nhận hành lý trong sân bay để đón hành lý

Vào ngày 17/12/2014, khi H vào khu vực nhận hành lý của Sân bay T lấy 2 chiếc valy, xé bỏ tag, để lên xe đẩy, đẩy ra ngoài thì bị nhân viên hải quan kiểm tra, phát hiện trong valy có ma túy. H gọi điện thoại báo cho V biết, V bảo H đi về.

Sau đó, anh Phạm Duy B có gọi H2 yêu cầu đưa người nhờ lấy va ly đến làm việc. Ngày 25/12/2014, H2, H đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an đầu thú và khai trình sự việc như đã được nêu. H2 có báo cho bị cáo V nhưng V không ra cơ quan điều tra trình diện. Bị cáo V có hành vi lẩn trốn, không cho người thân biết nơi bị cáo đang cư trú.

Qua giám định, số ma túy bị thu giữ gồm nhiều viên nén có tổng khối lượng là 14.841,84g, có chứa thành phần Tenamfetamine (MDA) với hàm lượng 9,8%.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đặng Tuấn V về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên” theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2]. Đơn kháng cáo của bị cáo nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/8/2016, căn cứ lời khai của Trần Quốc H, căn cứ kết quả đối chất giữa V và H và các tài liệu chứng cứ khác trong vụ án thì việc bị cáo cho rằng không biết trong hai va ly có hàng hóa bất hợp pháp là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị cáo L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì bị cáo chịu trách nhiệm vận chuyển 02 valy chứa chất ma túy từ sân bay về khách sạn cho N khi đã thỏa thuận. Do vậy bị cáo V phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình với vai trò đồng phạm với L trong hành trình từ Canada về Việt Nam.

Trong quá trình điều tra bị cáo khiếu nại hành vi của cán bộ điều tra có hành vi bị cáo bị dùng nhục hình hoặc ép cung, mớm cung. Tuy nhiên bị cáo không nêu ra được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh hành vi của cán bộ điều tra. Mặt khác, do bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nên việc không giải quyết khiếu nại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[4]. Tại phiên tòa, bị cáo không trình bày được tài liệu chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Tuấn V, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo **Đặng Tuấn V** phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo **Đặng Tuấn V** 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2015;

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đặng Tuấn V phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giam 45 (bốn mươi lăm) ngày bị cáo Đặng Tuấn V để bảo đảm thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh ;
- Trại tạm giam T17 - Bộ Công an;
- Bị cáo;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh